

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2022/HS-PT
Ngày 13 - 12 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Tăng Trần Quỳnh Phương**

Các Thẩm phán: Bà **Huỳnh Thị Kiều Anh**

Ông **Trần Quang Khang**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lâm Thị Hiền**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Dương Thục Trinh**, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 93/2022/TLPT-HS ngày 13 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Thị Phi P, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 76/2022/HS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Phi P**, sinh năm 1959, tại Bạc Liêu; Nơi cư trú: Ấp 16, xã Vĩnh H, huyện Hòa B, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Không; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Con ông Nguyễn Văn T (chết) và bà Trần Kim L (chết); chồng là Nguyễn Tế T (đã ly hôn); và có 02 người con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo Nguyễn Thị Phi P bị bắt truy nã và tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/01/2022 cho đến nay, (Có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Ngô Văn Định, là Luật sư của Công ty Luật TNHH hãng Luật Hiệp Định – chi nhánh Cần Thơ, (có mặt).

- Bị hại không kháng cáo: Bà Huỳnh Mỹ T, sinh năm 1956. Địa chỉ: Khóm A, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo:

1. Anh Trương Trung C (tên gọi khác: N), sinh năm 1984. Địa chỉ: Số 137/11, Khóm A, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, (Có mặt).

2. Chị Mã Kim H, sinh năm 1987. Hộ khẩu thường trú: Khóm 6, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở: Số 3/36B, đường Lê Thị Hồng G, Khóm 6, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08/7/2020, tại quán cà phê Hoa G, thuộc Khóm 10, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, bị cáo Nguyễn Thị Phi P có hành vi cùng với con là Nguyễn Minh T sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả ghi tên thửa đất số 88, tờ bản đồ số 51, đường liên Tỉnh Lộ 38 thuộc xã Vĩnh T, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu để thế chấp chiếm đoạt của bà Huỳnh Mỹ T số tiền 200.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 23/GĐ-2021 ngày 04/4/2021, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu kết luận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bị cáo P và Thượng thế chấp vay tiền như sau:

“- Chữ ký mang tên Phạm Quốc N trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (ký hiệu A) và chữ ký của ông Phạm Quốc N trên tờ giấy đơn nguyện vọng nghỉ chờ hưu (ký hiệu M1) không cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn có nội dung “Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất” (ký hiệu A) so với hình dấu tròn có nội dung “Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu” (ký hiệu M2) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu tròn có nội dung “Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất” (ký hiệu A) so với hình dấu tròn có nội dung “Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B” (ký hiệu M3) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Phôi “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất” số CT 266457 đề ngày 03/12/2019 (ký hiệu A) là giả.

- “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất” số CT 266457 đề ngày 03/12/2019 (ký hiệu A) là giả, được làm giả toàn bộ.”.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 76/2022/HS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Phi P phạm tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Phi P 03 (ba) năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Phi P 07 (bảy) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Nguyễn Thị Phi P phải chịu hình phạt chung là 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 14/01/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Phi P bồi thường cho bà Huỳnh Mỹ T số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/9/2022, bị cáo Nguyễn Thị Phi P kháng cáo kêu oan. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bị cáo còn trong thời hạn luật định nên cấp phúc thẩm chấp nhận và đưa ra xét xử là hợp lệ.

Về nội dung: Sau khi phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Phi P, giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số: 76/2022/HS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm:

Đồng ý với tội danh mà Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu đã truy tố đối với bị cáo và ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Đối với tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”: Hành vi của bị cáo là có sai nhưng chỉ là vai trò thứ yếu; vai trò tích cực là ai thì chưa được làm rõ.

Đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”: Bị cáo P chỉ tham gia vào việc lừa đảo với vai trò thứ yếu, con bị cáo là T đã bỏ trốn.

Trên cơ sở phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo 02 năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”; đề nghị áp dụng thêm điểm s, k khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 05 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo đúng về thể thức và thời hạn nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm thể hiện, bị cáo Nguyễn Thị Phi P thừa nhận vào ngày 06/11/2019, bị cáo Nguyễn Thị Phi P có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 88, diện tích 117m², tờ bản đồ số 51, đường liên Tỉnh Lộ 38 thuộc xã Vĩnh T, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu và được Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 266457; sau đó bị cáo P đã chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất này cho ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1960 (nơi cư trú: Số 241, Khóm 9, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu). Bị cáo P có ký tên, ghi họ tên vào 01 tờ giấy trắng với tư cách là người làm chứng để T vay tiền và tự bị cáo P có ghi dòng chữ “(Lãi 5P (Năm lai))”. Tuy nhiên, bị cáo P không thừa nhận là thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không biết nội dung Giấy nợ và không nhận số tiền 200.000.000 đồng của bà T.

[2.2] Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Thị Phi P:

Tại “Giấy nợ” không đề ngày tháng năm thể hiện rõ nội dung “*Tôi Nguyễn Phi P. Có mượn của bà Huỳnh Mỹ T số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Tôi có thế chấp cuốn sổ đỏ: 117m² đất. Nếu tôi có tranh chấp. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm*”. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo P thừa nhận bị cáo có ký ghi họ tên của bị cáo tại “Giấy nợ” không đề ngày tháng năm và chữ viết thêm “lãi 5p (năm lai)” là do bị cáo viết ra. Trước khi ký tên vào bất cứ loại giấy tờ nào cũng cần đọc, hiểu rõ nội dung và đồng ý với nội dung đó thì mới ký tên vào để xác nhận sự đồng thuận của người ký với nội dung của văn bản, do đó không chấp nhận lời xác định của bị cáo cho rằng bị cáo chỉ ký tên vào tờ giấy trắng giao cho Thượng, sau đó bỏ đi nơi khác mà có căn cứ xác định bị cáo biết và đồng ý với nội dung “Giấy nợ” nêu trên. Căn cứ vào kết luận giám định thể hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 88, diện tích 117m², tờ bản đồ số 51, đường liên Tỉnh Lộ 38 thuộc xã Vĩnh T, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu là giả. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cũng xác định ngoài diện tích đất diện tích 117m², tờ bản đồ số 51, đường liên Tỉnh Lộ 38 thuộc xã Vĩnh T, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu

đã sang nhượng cho ông Nguyễn Hữu T thì bị cáo không còn diện tích đất 117m² nào khác. Do đó, việc bị cáo thể chấp sổ đỏ diện tích 117m² không có thực để tạo niềm tin cho bị hại Huỳnh Mỹ T vay số tiền 200.000.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Từ phân tích nêu trên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Thị Phi P mà có căn cứ giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố B đã xét xử đối với bị cáo.

[3] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Phi P kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu là có căn cứ nên chấp nhận. Không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Thị Phi P. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 76/2022/HS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Phi P phạm tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

3. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Phi P 07 (bảy) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

4. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Phi P 03 (ba) năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

5. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Nguyễn Thị Phi P phải chịu hình phạt chung là 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 14/01/2022.

6. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Phi P bồi thường cho bà Huỳnh Mỹ T số tiền 200.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

7. Về án phí: Căn cứ các điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị Phi P phải nộp: 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm; 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- VKSND TP. B (01 bản);
- TAND TP. B (02 bản);
- CQĐT TP. B (01 bản);
- Chi cục THADS TP. B (01 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu (1 bản);
- Bị cáo (01 bản);
- Bị hại (01 bản);
- Luật sư (01 bản);
- NLQ (02 bản);
- Lưu: HS, THS, THCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tăng Trần Quỳnh Phương